SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TUYÊN QUANG
CỤM CHUYÊN MÔN SỐ 9
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang

KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026
Môn thi: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút

Họ và tên: …….. Số báo danh: ……**Mã đề: 0901**

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng nước ta là
A. cải tạo đất bạc màu, đất mặn.
B. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.
C. khai hoang mở rộng diện tích.
D. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 2. Lãnh thổ phía Bắc Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và phân hóa đa dạng chủ yếu do
A. nằm gần ngoại chí tuyến, gió hướng tây nam, nhiều núi cao, lãnh thổ rộng.
B. đặc điểm địa hình, các luồng gió thổi theo mùa, vị trí, đặc điểm lãnh thổ.
C. gió theo hướng tây nam, gió theo hướng đông bắc, địa hình nhiều đồi núi.
D. địa hình nhiều đồi núi, cao nguyên, các luồng gió thổi qua biển trong năm.

Câu 3. Mục đích chủ yếu phát triển du lịch biển đảo ở Đông Nam Bộ là
A. sử dụng hợp lí tự nhiên, đẩy mạnh sản xuất, tạo sản phẩm đa dạng.
B. thu hút đầu tư, nâng vai trò của vùng, chuyển dịch cơ cấu sản xuất.
C. giải quyết việc làm, phân bố lại dân cư, tạo ra các cảnh quan mới.
D. nâng mức sống, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát huy thế mạnh.

Câu 4. Thế mạnh nổi bật của vùng Nam Trung Bộ là
A. nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
B. trồng cây công nghiệp lâu năm.
C. khai thác tài nguyên khoáng sản.
D. trồng cây lương thực thực phẩm.

Câu 5. Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta hiện nay là
A. xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.
B. đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở đô thị.
C. hợp tác lao động quốc tế để xuất khẩu lao động.
D. phân bố lại lực lượng lao động trên quy mô cả nước.

Câu 6. Khi có bão, vùng ven biển nước ta thường xảy ra thiên tai nào sau đây?
A. Lũ nguồn.
B. Sóng thần.
C. Bão cát.
D. Ngập mặn.

Câu 7. Cho biểu đồ:

Tình hình phát triển ngành bưu chính viễn thông, giai đoạn 2015 – 2024

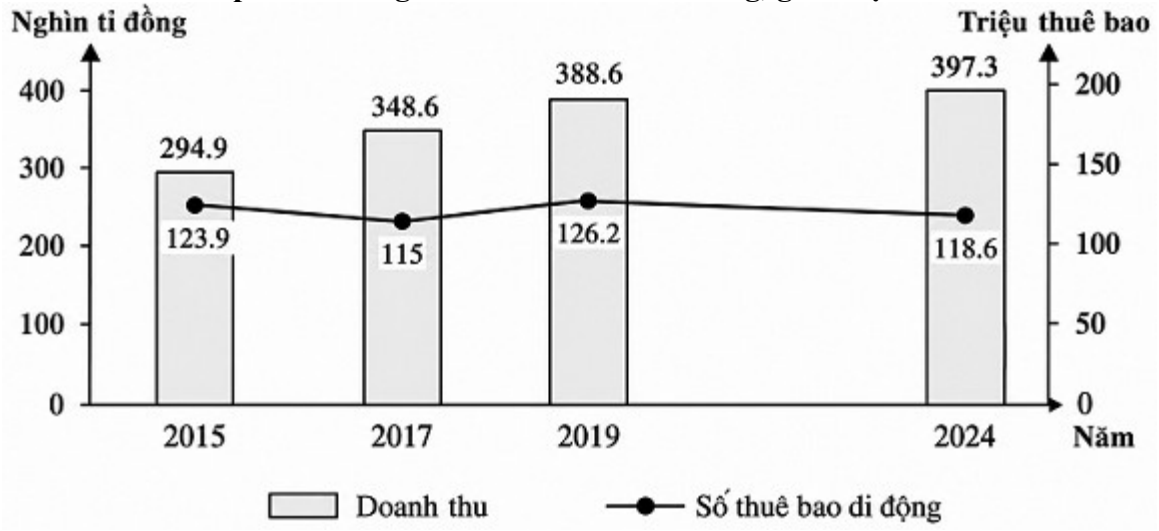

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?
A. Giai đoạn 2015 – 2024, doanh thu ngành bưu chính tăng, số thuê bao di động giảm.
B. Cả doanh thu ngành bưu chính và số thuê bao di động nước ta đều bị giảm sút mạnh.
C. Ngành bưu chính viễn thông nước ta phát triển rất nhanh trong giai đoạn 2015 – 2024.

D. Giai đoạn 2015 – 2024, doanh thu ngành bưu chính tăng chậm hơn số thuê bao di động.

Câu 8. Hiện nay Đồng bằng Sông Hồng dẫn đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp chủ yếu do

A. vốn đầu tư lớn, cơ sở hạ tầng rất hiện đại, lao động đông, kinh tế thị trường phát triển sớm.

B. thu hút được nguồn vốn lớn, lao động dồi dào, trình độ cao, cơ sở hạ tầng được hiện đại hoá.

C. nguồn vốn đầu tư lớn, nguồn khoáng sản phong phú, lao động đông, có nhiều kinh nghiệm.

D. cơ sở hạ tầng thuộc loại tốt nhất cả nước, thị trường rộng lớn, lịch sử lâu đời, lao động đông.

Câu 9. Vùng nào có số lượng đàn bò lớn nhất nước ta?

A. Bắc Trung Bộ. **B.** Nam Trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ. **D.** Trung du và miền núi phía Bắc.

Câu 10. Đường biên giới trên biển thuộc bộ phận nào của vùng biển?

A. Lãnh hải. **B.** Nội thủy. **C.** Tiếp giáp lãnh hải. **D.** Thềm lục địa.

Câu 11. Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay là

A. điện mặt trời. **B.** điện nguyên tử. **C.** nhiệt điện. **D.** thủy điện.

Câu 12. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được thể hiện ở đặc điểm nào sau đây?

A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. **B.** Lượng mưa trung bình năm cao.

C. Tín phong hoạt động quanh năm. **D.** Lượng bức xạ Mặt Trời lớn.

Câu 13. Giải pháp quan trọng nhất để phát triển chăn nuôi gia súc lớn theo hướng sản xuất hàng hoá ở Trung du miền núi phía Bắc là

A. sử dụng giống tốt, bảo đảm nguồn thức ăn, xây dựng chuồng trại.

B. áp dụng kĩ thuật mới, phát triển trang trại, xây dựng thương hiệu.

C. phòng chống dịch bệnh, chăn nuôi tập trung, mở rộng thị trường.

D. tăng liên kết, cải tạo đồng cỏ, đẩy mạnh hoạt động chế biến.

Câu 14. Dân số nước ta hiện nay

A. phân bố đều giữa các vùng. **B.** có quy mô ngày càng giảm.

C. có tỉ lệ gia tăng giảm dần. **D.** có cơ cấu dân số già.

Câu 15. Đồng bằng sông Cửu Long có nghề nuôi trồng thủy sản nước ngọt phát triển mạnh nhất nước ta hiện nay chủ yếu do

A. nguồn lợi thủy sản phong phú, có mạng lưới sông ngòi chằng chịt.

B. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai, mạng lưới sông ngòi chằng chịt.

C. có bờ biển dài, nhiều ngư trường lớn, lao động có nhiều kinh nghiệm.

D. có diện tích mặt nước lớn, lao động có kinh nghiệm, thức ăn dồi dào.

Câu 16. Ngành vận tải nào sau đây ở nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hoá lớn nhất?

A. Đường bộ. **B.** Đường sông. **C.** Đường sắt. **D.** Đường biển.

Câu 17. Biểu hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta là

A. đẩy mạnh công nghiệp khai khoáng, công nghiệp điện tử - tin học.

B. phát triển nông nghiệp hữu cơ nhằm đáp ứng nhu cầu cao của nội địa.

C. tăng tỉ trọng của các ngành có hàm lượng khoa học – công nghệ cao.

D. tăng tỉ trọng các ngành nông nghiệp, công nghiệp trong cơ cấu GDP.

Câu 18. Công nghiệp ở trung du và miền núi nước ta còn gặp nhiều hạn chế trong phát triển là do

A. vị trí địa lí không thuận lợi. **B.** điều kiện phát triển thiếu đồng bộ.

C. nghèo tài nguyên khoáng sản. **D.** thiếu lao động có tay nghề.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Công nghiệp sản xuất điện của nước ta được hình thành và phát triển từ lâu, hiện nay đang có sự phát triển nhanh chóng. Cơ cấu nguồn điện khá đa dạng. Nhờ ứng dụng những thành tựu khoa học – công nghệ hiện đại vào sản xuất nên hiệu quả sản xuất của ngành tăng nhanh.

a) Sản lượng điện nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây.

b) Để nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm phát thải CO_2, ngành điện nước ta đang tích cực ứng dụng những tiến bộ khoa học – công nghệ và tăng tỉ lệ nguồn điện từ nhiên liệu hoá thạch, năng lượng tái tạo.

c) Các nhà máy thủy điện lớn nhất của nước ta tập trung chủ yếu ở vùng Nam Trung Bộ.

d) Tỉ trọng năng lượng tái tạo đang tăng nhanh trong cơ cấu nguồn điện nước ta.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá giữa các khu vực phía đông và khu vực phía tây cho phép Bắc Trung Bộ phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu sản phẩm đa dạng.

a) Giải pháp phát triển các cây công nghiệp theo hướng hàng hoá là sản xuất tập trung, gắn với chế biến, chủ yếu phục vụ nhu cầu trong nước.

b) Cây chè được trồng nhiều ở vùng đồi núi phía tây chủ yếu do khí hậu có một mùa đông lạnh, phân hoá theo độ cao địa hình.

c) Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển cả nông sản nhiệt đới và cận nhiệt.

d) Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn, giải quyết việc làm.

Câu 3. Cho biểu đồ về GDP bình quân đầu người của Bru-nây và Xin-ga-po:

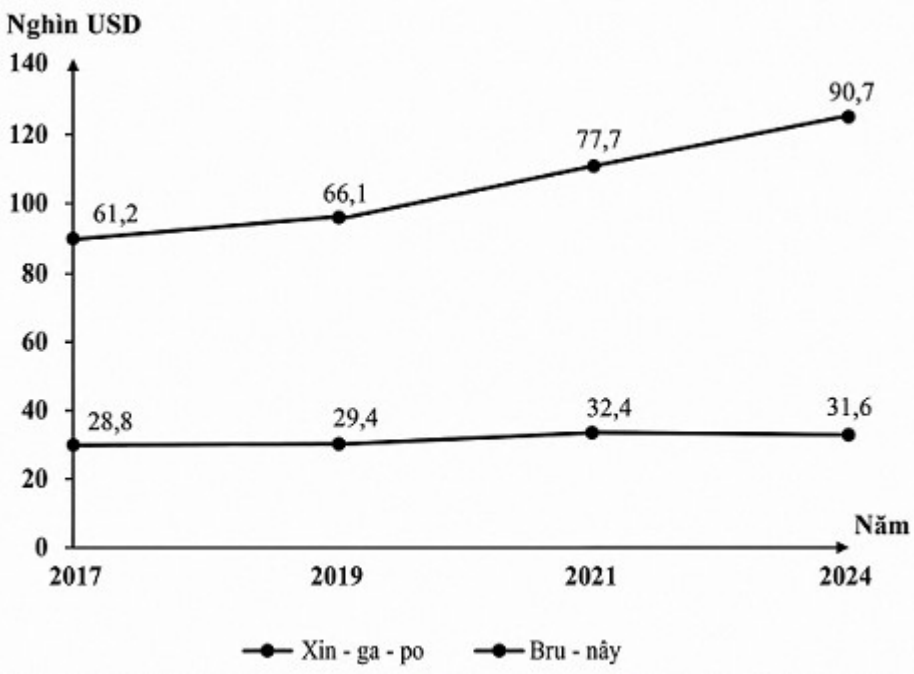

(Nguồn: ASEAN 2025 Statistical Highlights 2025, https://www.aseanstats.org)

a) Năm 2024 so với năm 2017, GDP bình quân đầu người của Xin-ga-po tăng nhanh hơn của Bru-nây.

b) Biểu đồ trên thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Bru-nây và Xin-ga-po giai đoạn 2017 - 2024.

c) Từ năm 2017 đến năm 2024, GDP bình quân đầu người của Xin-ga-po và Bru-nây đều tăng liên tục.

d) Giai đoạn 2017 - 2024, GDP bình quân đầu người của Bru-nây luôn cao hơn Xin-ga-po.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Địa hình của miền đa dạng với các khối núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng. Khí hậu của miền mang tính chất cận xích đạo gió mùa. Mạng lưới sông ngòi của miền khá dày đặc. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng cận xích đạo gió mùa.

a) Miền có điều kiện phát triển nhiều nhà máy thủy điện nhỏ mạng lưới sông ngòi dày đặc chảy qua địa hình đồi núi và đồng bằng.

b) Miền có nền địa hình cao nhất cả nước, nhiều đỉnh núi nhọn với sườn dốc và độ chia cắt lớn.

c) Trong miền phổ biến các loài sinh vật có nguồn gốc nhiệt đới và xích đạo như: các loài cây họ Dầu, sư, mu, pơ mu.

d) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta, năm 2015 và năm 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2024
Khai thác	3176,5	3863,9
Nuôi trồng	3550,7	5812,3

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỷ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2024 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Mực nước biển trung bình các tháng của trạm quan trắc Cồn Cỏ, năm 2022 và năm 2024

(Đơn vị: cm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2022	88	91	77	82	79	68	73	77	92	114	97	108
2024	91	80	81	72	76	74	73	71	87	107	113	105

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch mực nước biển trung bình của tháng có mực nước biển trung bình cao nhất với mực nước biển trung bình của tháng có mực nước biển trung bình thấp nhất tại trạm quan trắc Cồn Cỏ năm 2022 lớn hơn bao nhiêu cm so với năm 2024 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2024, trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta là 405,9 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu hàng thủy sản đạt 10,0 tỷ USD. Hãy cho biết trị giá xuất khẩu thủy sản chiếm bao nhiêu phần trăm trong trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta năm 2024 (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 4. Năm 2024, tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên của nước ta là 52,9 triệu người. Trong đó số lao động Nữ đã qua đào tạo là 13,05 triệu người. Hãy cho biết số lao động Nữ đã qua đào tạo chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên của nước ta năm 2024 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Tại sườn khuất gió của đỉnh núi Pu Xai Lai Leng, có nhiệt độ không khí là 14,8°C. Nhiệt độ tại chân núi là 42°C. Hãy cho biết độ cao của đỉnh núi Pu Xai Lai Leng là bao nhiêu mét (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Doanh thu du lịch lữ hành của vùng Đông Nam Bộ năm 2020 và 2024 lần lượt là 8286,7 tỉ đồng và 32504,9 tỉ đồng. Hãy cho biết, doanh thu du lịch lữ hành của vùng Đông Nam Bộ năm 2024 tăng thêm bao nhiêu phần trăm so với năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

---------- **HẾT** ----------

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	7	A	13	D
2	B	8	B	14	C
3	D	9	B	15	D
4	C	10	A	16	A

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
5	B	11	C	17	C
6	D	12	D	18	B

PHẦN II.

Câu	a	b	c	d
1	Đúng	Sai	Sai	Đúng
2	Sai	Đúng	Đúng	Đúng
3	Đúng	Sai	Đúng	Sai
4	Đúng	Sai	Sai	Đúng

PHẦN III.

Câu	Đáp án
1	7,3%
2	4 cm
3	2,46%
4	24,7%
5	2720 m
6	292%

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1. Chọn B.
Ở đồng bằng, đất nông nghiệp có hạn, dân cư đông nên muốn sử dụng hiệu quả đất thì phải **đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ**, tức là tăng năng suất và số vụ trên cùng diện tích đất.

Câu 2. Chọn B.
Lãnh thổ phía Bắc có khí hậu phân hóa đa dạng do nhiều nguyên nhân kết hợp: vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, địa hình và hoạt động của các luồng gió theo mùa.
Vì vậy chọn **B**.

Câu 3. Chọn D.
Du lịch biển đảo ở Đông Nam Bộ, đặc biệt là Bà Rịa – Vũng Tàu, giúp khai thác thế mạnh biển, nâng cao đời sống, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát huy lợi thế vùng.

Câu 4. Chọn C.
Nam Trung Bộ có thế mạnh về biển, du lịch, thủy sản và một số khoáng sản. Trong các phương án đã cho, phù hợp nhất là **khai thác tài nguyên khoáng sản**.

Câu 5. Chọn B.
Thất nghiệp ở thành thị chủ yếu do thiếu việc làm. Muốn giải quyết cần phát triển mạnh **công nghiệp và dịch vụ ở đô thị** để tạo thêm nhiều việc làm.

Câu 6. Chọn D.
Khi có bão, vùng ven biển thường chịu tác động của nước biển dâng, sóng lớn, gây ngập mặn, ngập úng vùng

ven biển.
Chọn **D. Ngập mặn**.

Câu 7. Chọn A.
Quan sát biểu đồ:

- Doanh thu ngành bưu chính tăng từ **294,9 nghìn tỉ đồng** năm 2015 lên **397,3 nghìn tỉ đồng** năm 2024.
- Số thuê bao di động giảm từ **123,9 triệu thuê bao** xuống **118,6 triệu thuê bao**.

Vì vậy nhận xét đúng là: **doanh thu tăng, số thuê bao di động giảm**.

Câu 8. Chọn B.
Đồng bằng sông Hồng dẫn đầu về giá trị sản xuất công nghiệp do có nhiều điều kiện thuận lợi: thu hút vốn đầu tư lớn, lao động dồi dào, trình độ cao, cơ sở hạ tầng hiện đại.

Câu 9. Chọn B.
Vùng Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để chăn nuôi bò: nhiều đồng cỏ, khí hậu tương đối khô, diện tích đất đồi núi khá lớn. Đây là vùng có đàn bò lớn của cả nước.

Câu 10. Chọn A.
Đường biên giới quốc gia trên biển là ranh giới ngoài của **lãnh hải**.
Vì vậy chọn **A. Lãnh hải**.

Câu 11. Chọn C.
Hiện nay, trong cơ cấu sản lượng điện nước ta, **nhiệt điện** chiếm tỉ trọng lớn nhất, nhất là nhiệt điện than và khí.

Câu 12. Chọn D.
Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta thể hiện rõ ở:

- tổng bức xạ lớn,
- cân bằng bức xạ dương,
- nhiệt độ trung bình năm cao.

Vì vậy chọn **D. Lượng bức xạ Mặt Trời lớn**.

Câu 13. Chọn D.
Muốn phát triển chăn nuôi gia súc lớn theo hướng hàng hóa ở Trung du và miền núi phía Bắc cần:

- tăng liên kết sản xuất – tiêu thụ,
- cải tạo đồng cỏ,
- đẩy mạnh chế biến để nâng giá trị sản phẩm.

Chọn **D**.

Câu 14. Chọn C.
Dân số nước ta hiện nay vẫn còn đông nhưng **tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm dần**.

Câu 15. Chọn D.
Đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản nước ngọt do có diện tích mặt nước lớn, nguồn thức ăn dồi dào, lao động có kinh nghiệm.

Câu 16. Chọn A.
Ở nước ta, vận tải đường bộ có khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất do mạng lưới đường bộ phát triển rộng khắp, linh hoạt, phù hợp nhiều loại hàng hóa.

Câu 17. Chọn C.
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thể hiện ở việc tăng tỉ trọng các ngành có hàm lượng khoa học – công nghệ cao.

Câu 18. Chọn B.
Công nghiệp ở trung du và miền núi còn hạn chế do điều kiện phát triển chưa đồng bộ: giao thông, cơ sở hạ tầng, lao động kĩ thuật, thị trường còn hạn chế.

PHẦN II. Đúng – Sai

Câu 1

a) **Đúng.**
Sản lượng điện nước ta tăng nhanh do nhu cầu sản xuất, sinh hoạt tăng và do nhiều nhà máy điện mới được xây dựng.

b) **Sai.**
Muốn giảm phát thải CO_2 thì cần giảm dần nhiên liệu hóa thạch, tăng năng lượng tái tạo. Ý này nói "tăng tỉ lệ nguồn điện từ nhiên liệu hóa thạch" nên sai.

c) **Sai.**
Các nhà máy thủy điện lớn nhất nước ta chủ yếu tập trung ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, không phải chủ yếu ở Nam Trung Bộ.

d) **Đúng.**
Những năm gần đây, năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời phát triển nhanh nên tỉ trọng tăng lên trong cơ cấu nguồn điện.

Câu 2

a) **Sai.**
Phát triển cây công nghiệp theo hướng hàng hóa không chỉ phục vụ trong nước mà còn gắn với chế biến và xuất khẩu.

b) **Đúng.**
Cây chè thích hợp với khí hậu mát, có mùa đông lạnh và độ cao địa hình nhất định, nên được trồng ở vùng đồi núi phía tây Bắc Trung Bộ.

c) **Đúng.**
Bắc Trung Bộ có khí hậu phân hóa, vừa có sản phẩm nhiệt đới, vừa có một số sản phẩm cận nhiệt ở vùng núi cao.

d) **Đúng.**
Đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp giúp khai thác tốt điều kiện tự nhiên, tạo thêm sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm cho lao động.

Câu 3

Dựa vào biểu đồ:

- Xin-ga-po: từ **61,3 nghìn USD** năm 2017 lên **90,7 nghìn USD** năm 2024.
- Bru-nây: từ **28,8 nghìn USD** năm 2017 lên **33,6 nghìn USD** năm 2024.

a) **Đúng.**
Xin-ga-po tăng mạnh hơn Bru-nây cả về giá trị tuyệt đối và tốc độ tăng.

b) **Sai.**
Biểu đồ thể hiện **GDP bình quân đầu người**, không phải tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người.

c) **Đúng.**
Cả Xin-ga-po và Bru-nây đều tăng liên tục qua các năm 2017, 2019, 2021, 2024.

d) **Sai.**
Xin-ga-po luôn có GDP bình quân đầu người cao hơn Bru-nây, không phải Bru-nây cao hơn Xin-ga-po.

Câu 4

Thông tin nói về miền có cao nguyên badan, khí hậu cận xích đạo gió mùa, rừng cận xích đạo gió mùa. Đây là **miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ**.

a) **Đúng.**
Miền có nhiều sông chảy qua địa hình đồi núi, thuận lợi phát triển thủy điện, nhất là thủy điện vừa và nhỏ.

b) **Sai.**
Nền địa hình cao nhất cả nước thuộc khu vực Tây Bắc, không phải miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

c) **Sai.**
Miền này phổ biến sinh vật nhiệt đới, cận xích đạo như cây họ Dầu. Tuy nhiên các loài như sa mu, pơ mu đặc trưng hơn cho vùng núi cao phía Bắc.

d) **Đúng.**
Nội dung đã cho thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn

Câu 1

Ta tính tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản.

Năm 2015:

$$T_{2015} = \frac{3550,7}{3176,5 + 3550,7} \times 100$$

$$T_{2015} = \frac{3550,7}{6727,2} \times 100 \approx 52,8\%$$

Năm 2024:

$$T_{2024} = \frac{5812,3}{3863,9 + 5812,3} \times 100$$

$$T_{2024} = \frac{5812,3}{9676,2} \times 100 \approx 60,1\%$$

Mức tăng:

$$60,1 - 52,8 = 7,3\%$$

Đáp án: 7,3%.

Câu 2

Năm 2022:

- Mực nước cao nhất: **114 cm**.
- Mực nước thấp nhất: **68 cm**.

Chênh lệch năm 2022:

$$114 - 68 = 46\ cm$$

Năm 2024:

- Mực nước cao nhất: **113 cm**.
- Mực nước thấp nhất: **71 cm**.

Chênh lệch năm 2024:

$$113 - 71 = 42\ cm$$

Năm 2022 lớn hơn năm 2024:

$$46 - 42 = 4\ cm$$

Đáp án: 4 cm.

Câu 3

Trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta năm 2024 là **405,9 tỉ USD**.
Trong đó xuất khẩu thủy sản đạt **10,0 tỉ USD**.

Tỉ trọng xuất khẩu thủy sản:

$$\frac{10,0}{405,9}\times 100 \approx 2,46\%$$

Đáp án: 2,46%.

Câu 4

Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên là **52,9 triệu người**.
Số lao động nữ đã qua đào tạo là **13,05 triệu người**.

Tỉ lệ lao động nữ đã qua đào tạo:

$$\frac{13,05}{52,9}\times 100 \approx 24,7\%$$

Đáp án: 24,7%.

Câu 5

Ở sườn khuất gió, không khí đi xuống thì cứ xuống **100 m**, nhiệt độ tăng **1°C**.

Nhiệt độ tại đỉnh núi là **14,8°C**.
Nhiệt độ tại chân núi là **42°C**.

Chênh lệch nhiệt độ:

$$42 - 14,8 = 27,2^{\circ}C$$

Độ cao của đỉnh núi:

$$27,2 \times 100 = 2720\ m$$

Đáp án: 2720 m.

Câu 6

Doanh thu năm 2020: **8286,7 tỉ đồng**.
Doanh thu năm 2024: **32504,9 tỉ đồng**.

Mức tăng tuyệt đối:

$$32504,9 - 8286,7 = 24218,2$$

Tỉ lệ tăng:

$$\frac{24218,2}{8286,7} \times 100 \approx 292\%$$

Đáp án: 292%.